

THỰC TRẠNG VÀ MỘT SỐ YẾU TỐ LIÊN QUAN TỚI SỬ DỤNG RƯỢU CỦA THUYỀN VIÊN VẬN TẢI VIỄN DƯƠNG NĂM 2014

Nguyễn Văn Tâm*

TÓM TẮT

♦ **Mục tiêu nghiên cứu:** Mô tả thực trạng sử dụng rượu và một số yếu tố liên quan tới sử dụng rượu của thuyền viên vận tải viễn dương.

♦ **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Theo phương pháp mô tả cắt ngang có phân tích. Phỏng vấn 342 thuyền viên để tìm hiểu thực trạng uống rượu và một số yếu tố liên quan tới hành vi sử dụng rượu của thuyền viên vận tải viễn dương trong chuyến hành trình trên biển

♦ **Kết quả nghiên cứu:** Tỷ lệ uống rượu ở thuyền viên là 75,14%. Tỷ lệ uống rượu có xu hướng tăng theo tuổi nghề. Tỷ lệ lạm dụng rượu ở thuyền viên: 31,51%. Tỷ lệ nghiện rượu ở thuyền viên: 7,39%. Thuyền viên có tiền sử gia đình có người thường xuyên uống rượu, cảm giác buồn chán cô đơn trên biển, có thời gian rảnh rỗi trên tàu nguy cơ làm cho thuyền viên uống rượu cao hơn so với nhóm không bị như vậy.

SUMMARY

SITUATION AND SOME RELATED FACTORS TO USE ALCOHOL OF SEAFARERS WORKING ON OCEAN SHIPPING IN 2014

♦ **Objective:** Describing the situation use alcohol and some related factors to use alcohol of seafarers working on ocean shipping

♦ **Materials and methods:** The authors have used cross – sectional study combined with analysis . Interview among 342 seafarers about situation of drink alcohol and some related factors to use behaviors alcohol of ocean shipping seafarers in long trip.

♦ **Researching results:** The rate of drink alcohol of seafarers is 75,14%. The rate of drink alcohol tends to increase with seniority. The rate of alcohol abuse in the seafarers is 31.51%. The rate of alcoholism in the seafarers is 7.39%. The seafarers have had history of family frequent drink alcohol, felt bored loneliness, have spare time on board risk drink alcohol more than the seafarers without felt like that.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong xã hội ngày nay, rượu được sử dụng nhiều, rộng rãi và trở nên lạm dụng dưới nhiều hình thức khác nhau. Sử dụng rượu nhiều làm ảnh hưởng lớn đến sức khỏe cả về thể chất lẫn tâm thần, gây nhiều tổn hại về kinh tế xã hội. Tác hại của tệ nạn nghiện rượu chỉ đứng sau tác hại của ma túy. Số lượng thuyền viên trong các công ty vận tải biển theo thống kê của tổng cục hàng hải Việt Nam năm 2012 là 32940 người. Con tàu vừa là nơi sinh hoạt vừa là nơi lao động của thuyền viên trên biển. Điều kiện lao động trên biển hết sức khó khăn, thường xuyên phải làm việc trong điều kiện khắc nghiệt của thiên nhiên: sóng to, gió lớn và điều kiện lao động không đảm bảo tiêu chuẩn cho phép như: rung lắc, tiếng ồn, nhiệt độ cao, ẩm ướt, trơn trượt... Bên cạnh đó, thời gian mỗi chuyến hành trình trên biển của thuyền viên là 9-12 tháng, thậm chí kéo dài hơn. Sự cô đơn, cô lập với đất liền, lại sống và làm việc trong một môi trường vi xã hội bất thường như xã hội đồng giới... Kết quả là tạo ra gánh nặng thần kinh - tâm lý, là những điều kiện thuận lợi để thuyền viên tìm đến với rượu và sử dụng rượu. Hiện nay, vẫn chưa có một công trình nghiên cứu nào về thực trạng sử dụng rượu và một số yếu tố liên quan tới

* Đại học Y Dược Hải Phòng

Phản biện khoa học: PGS.TS Phạm Văn Mạnh

sử dụng rượu của thuyền viên Việt Nam. Vì vậy, chúng tôi tiến hành nghiên cứu đề tài này là cần thiết và có ý nghĩa thực tiễn.

Mục tiêu đề tài:

1. Mô tả thực trạng sử dụng rượu của thuyền viên vận tải viễn dương.
2. Mô tả một số yếu tố liên quan tới sử dụng rượu của thuyền viên vận tải viễn dương.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Nhóm nghiên cứu: Gồm các thuyền viên đang làm việc trên các tàu viễn dương của 2 Công ty, toàn bộ là nam giới. Nhóm này được chia thành 3 nhóm nhỏ: Nhóm boong; Nhóm máy tàu; Nhóm thuyền viên làm các chức danh khác

2.2. Địa điểm và thời gian nghiên cứu

2.2.1. Địa điểm nghiên cứu

+ Tàu vận tải viễn dương của các công ty Vosco, Vitranschart.

+ Khoa khám và quản lý sức khỏe thuyền viên, Viện Y học biển.

2.2.2. Thời gian nghiên cứu

Từ tháng 6 năm 2013 đến tháng 6 năm 2014

2.3. Phương pháp nghiên cứu

2.3.1. Thiết kế nghiên cứu

- *Thiết kế nghiên cứu:* Theo phương pháp mô tả cắt ngang có phân tích

2.3.2. Cỡ mẫu nghiên cứu

- Cỡ mẫu điều tra được tính theo công thức sau:

$$n = Z^2 \frac{p(1-p)}{d^2}$$

Trong đó:

- n: cỡ mẫu thuyền viên cần nghiên cứu
- $Z^2_{1-\alpha/2}$: hệ số tin cậy, chọn $Z = 1,96$ tương ứng với độ tin cậy là 95%
- p: tỷ lệ sử dụng rượu tại cộng đồng, (theo số liệu điều tra của Viện Chiến lược chính sách Bộ Y Tế là 33,5%).

d: Độ chính xác mong muốn: 5% so với thực tế. $d = 0,05$

Thay vào công thức, ta tính được: $n = 342$

2.3.3. Phương pháp chọn mẫu và thu thập số liệu

- Chúng tôi tiến hành phỏng vấn tất cả các thuyền viên thuộc 2 công ty Vosco và Vitranschart đến khám sức khỏe tại Khoa khám và quản lý sức khỏe thuyền viên, Viện Y học biển Việt Nam trong thời gian từ 6/2013 đến 6/2014 cho đến khi đủ cỡ mẫu nghiên cứu là 342 người.

- Sử dụng phiếu điều tra do người nghiên cứu phỏng vấn trực tiếp để tìm hiểu thực trạng sử dụng rượu và một số yếu tố liên quan tới hành vi sử dụng rượu của thuyền viên vận tải viễn dương trong chuyến hành trình trên biển.

2.4. Xử lý số liệu nghiên cứu

Sử dụng phần mềm SPSS 16.0 để xử lý số liệu, các test thống kê và phương pháp thống kê y sinh học.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Thực trạng uống rượu của thuyền viên

Bảng 3.1. Tỷ lệ uống rượu của thuyền viên

CTNC \ KQNC	n	Tỷ lệ (%)	p
Có uống rượu	257	75,14	< 0,05
Không uống rượu	85	24,86	
Tổng	342	100	

Nhận xét: Tỷ lệ uống rượu của thuyền viên là 75,14%, tỷ lệ thuyền viên không uống rượu là 24,86%. Có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa 2 nhóm với $p < 0,05$.

Bảng 3.2. Tỷ lệ uống rượu của thuyền viên theo nhóm tuổi nghề

Nhóm tuổi	Có uống		Không uống		P
	n	Tỷ lệ (%)	n	Tỷ lệ (%)	
2 – 5 (109)	75	68,80	34	31,20	< 0,05
6 – 10 (87)	66	75,86	21	24,14	< 0,05
11 – 15 (52)	41	78,84	11	21,16	< 0,05
16 – 20 (56)	44	78,57	12	21,43	< 0,05
≥ 21 (38)	31	81,57	7	18,43	< 0,05
Tổng	257	75,14	85	24,86	< 0,05

Nhận xét: Kết quả nghiên cứu bảng trên cho thấy thuyền viên uống rượu có xu hướng tăng theo tuổi nghề, thuyền viên có tuổi nghề từ 2 – 5 năm tỷ lệ uống rượu là 68,80%, thuyền viên có tuổi nghề từ 6 – 10 năm tỷ lệ uống rượu là 75,86%. Thuyền viên có tuổi nghề trên 10 năm tỷ lệ uống rượu lần lượt là 78,84%; 78,57% và 81,57%.

Bảng 3.3. Tỷ lệ uống rượu của thuyền viên theo chức danh trên tàu

Chức danh	Có uống		Không uống		P
	n	Tỷ lệ (%)	n	Tỷ lệ (%)	
Nhóm boong (1)	115	72,78	43	27,22	p1/2 <0,05 p1/3 <0,05 p2/3 <0,05
Nhóm máy (2)	102	77,27	30	22,73	
Chức danh khác (3)	40	76,92	12	23,08	
Tổng	257	75,14	85	24,86	

Nhận xét: Kết quả nghiên cứu bảng trên cho thấy tỷ lệ uống rượu của nhóm boong thấp hơn nhóm máy và nhóm chức danh khác, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với $p < 0,05$.

Bảng 3.4. Lý do uống rượu của thuyền viên

CTNC	KQNC	
	n	Tỷ lệ (%)
Khi buồn, cô đơn	102	39,68
Khi liên hoan, tụ tập	142	55,25
Thói quen	13	5,07
Tổng	257	100

Nhận xét: Kết quả nghiên cứu bảng 3.4 cho thấy: 55,25% thuyền viên thường uống rượu khi liên hoan, 39,68% thuyền viên thường uống rượu khi buồn, cô đơn trên tàu, 5,07% thuyền viên thường uống rượu do thói quen.

Bảng 3.5. Tỷ lệ lạm dụng rượu của thuyền viên

CTNC	KQNC	
	n	Tỷ lệ (%)
Có	81	31,51
Không	176	68,49
Tổng	257	100

Nhận xét: tỷ lệ lạm dụng rượu của thuyền viên là 31,51%, tỷ lệ thuyền viên có uống rượu nhưng không lạm dụng là 68,49%.

Bảng 3.6. Tỷ lệ nghiện rượu của thuyền viên

CTNC	KQNC	
	n	Tỷ lệ (%)
Có nghiện rượu	19	7,39
Không nghiện rượu	238	92,61
Tổng	257	100

Nhận xét: Tỷ lệ nghiện rượu của thuyền viên là 7,39%, tỷ lệ thuyền viên không nghiện rượu là 92,61%.

3.2. Một số yếu tố liên quan tới tình trạng uống rượu của thuyền viên

Bảng 3.7. Liên quan giữa tiền sử gia đình có người thường xuyên uống rượu và tình trạng uống rượu của thuyền viên

CTNC \ KQNC	n Nghiên cứu	Có uống rượu		Không uống rượu		p
		n	Tỷ lệ (%)	n	Tỷ lệ (%)	
Có	95	75	78,94	20	21,06	< 0,05
Không	247	182	63,41	65	36,59	
Tổng	342	257		85		
OR	1,34; 95% CI(1,28 – 3,46)					

Nhận xét: Kết quả nghiên cứu bảng 3.7 cho thấy thuyền viên có tiền sử gia đình có người thường xuyên uống rượu nguy cơ làm cho thuyền viên uống rượu cao gấp 1,34 lần so với nhóm thuyền viên gia đình không có người thường xuyên uống rượu. Có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về tỷ lệ uống rượu giữa 2 nhóm với $p < 0,05$.

Bảng 3.8. Liên quan giữa buồn chán, cô đơn trên biển và tình trạng uống rượu của thuyền viên

CTNC \ KQNC	n Nghiên cứu	Có uống rượu		Không uống rượu		p
		n	Tỷ lệ (%)	n	Tỷ lệ (%)	
Buồn, cô đơn	128	102	79,68	26	20,32	< 0,05
Không buồn	214	155	72,42	59	27,58	
Tổng	342	257		85		
OR	1,49; 95%CI(1,32 – 4,65)					

Nhận xét: Thuyền viên buồn chán, cô đơn trên biển nguy cơ uống rượu gấp 1,49 lần so với thuyền viên không buồn chán. Có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về tỷ lệ uống rượu giữa 2 nhóm với $p < 0,05$.

Bảng 3.9. Liên quan giữa thời gian rảnh rỗi trên tàu và tình trạng uống rượu của thuyền viên

CTNC \ KQNC	n Nghiên cứu	Có uống rượu		Không uống rượu		p
		n	Tỷ lệ (%)	n	Tỷ lệ (%)	
Rảnh rỗi	239	195	81,58	44	18,42	< 0,05
Không rảnh rỗi	103	62	60,19	41	39,81	
Tổng	342	257		85		
OR	2,93; 95%CI(1,98 – 6,35)					

Nhận xét: Thuyền viên có thời gian rảnh rỗi trên tàu, nguy uống rượu cao gấp 2,93 lần so với thuyền viên không cảm thấy rảnh rỗi. Có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về tỷ lệ uống rượu giữa 2 nhóm với $p < 0,05$.

IV. BÀN LUẬN

4.1. Thực trạng sử dụng rượu của thuyền viên

4.1.1. Tỷ lệ uống rượu ở thuyền viên.

Nghiên cứu trên 342 thuyền viên vận tải viễn dương về thực trạng sử dụng rượu, kết quả cho thấy tỷ lệ sử dụng rượu của thuyền viên là 75,14%. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cao hơn so với Điều tra Điều tra Y tế Quốc gia 2001-2002 của Tổng cục Thống kê - Bộ Y tế công bố năm 2003 cho thấy tỷ lệ uống rượu ở nam thanh niên là 69% và ở nữ thanh niên là 28,1%. Theo kết quả nghiên cứu của Lê Cự Linh và cộng sự năm 2007 trên toàn bộ vị thành niên và thanh niên của 7 xã, thị trấn thuộc huyện Chí Linh - Hải Dương có tất cả 43,8% đối tượng đã từng sử dụng rượu. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cho thấy tỷ lệ sử dụng rượu của thuyền viên cao hơn so với nghiên cứu của các tác giả trên. Để giải thích điều này, chúng tôi cho rằng nghề đi biển là một nghề đặc biệt độc hại và nặng nhọc, trong cuộc hành trình trên biển thuyền viên bị cách biệt với đời sống xã hội thường ngày trên đất liền. Mọi sinh hoạt, lao động của họ đều bị giới hạn trong khoảng không gian chật hẹp của con tàu. Mặt khác, môi trường vi xã hội trên tàu biển là môi trường đặc biệt, chỉ có một giới (xã hội đồng giới), tạo ra gánh nặng về thần kinh tâm lý cho người lao động biển. Chính vì vậy, đã làm cho người lao động bị mất cân bằng về mặt tâm lý, dễ phát sinh các bệnh rối loạn thần kinh, tâm lý và các rối loạn hành vi tâm thần.

Thời gian làm việc ca kíp, làm 4 tiếng, nghỉ 8 tiếng, thời gian nghỉ ca quá dài, nhịp điệu công việc đơn điệu, nhàm chán: ăn, ngủ, chơi, và chờ đến lượt đi ca vì vậy gây lên một trạng thái tâm lý bất ổn định, đời sống tẻ nhạt và dễ dẫn đến các hoạt động tiêu cực,

thiếu lành mạnh như cờ bạc, nghiện thuốc lá, nghiện rượu và họ thường cho phép mình "xả hơi" ngay khi tàu được cập bến.

4.2. Tình trạng lạm dụng rượu của thuyền viên

Tỷ lệ lạm dụng rượu ở thuyền viên theo nghiên cứu của chúng tôi là khá cao chiếm 31,51% cao gấp gần 2 lần so với tỷ lệ lạm dụng rượu chung của cộng đồng là 18% theo nghiên cứu của Viện Chiến lược chính sách Bộ Y Tế. Theo nghiên cứu của Nguyễn Việt Nghị và cộng sự năm 1994, điều tra tại 20 địa phương cho thấy tỷ lệ lạm dụng rượu ở thành thị là 5-10%, miền núi là 9-9,8%, nông thôn là 0,5-1,2%. Nghiên cứu của Trịnh Hồng Liên tại xã Mỹ Đức, huyện An Lão, Hải Phòng năm 2003, tỷ lệ lạm dụng rượu cũng là 13,9%.

Như vậy, có thể thấy rằng lạm dụng rượu là một vấn đề đáng báo động ở thuyền viên bên cạnh những tệ nạn khác như nghiện thuốc lá, đánh bạc, quan hệ tình dục không an toàn.....Những vấn nạn trên cùng với rượu là những yếu tố gây tổn hại nghiêm trọng tới sức khỏe và sức lao động của thuyền viên.

4.2. Một số yếu tố liên quan tới tình trạng uống rượu của thuyền viên

4.2.1. Liên quan giữa tiền sử gia đình có người thường xuyên uống rượu với tình trạng sử dụng rượu

Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cho thấy trong số những người có tiền sử gia đình có người thường xuyên sử dụng rượu có 78,94% sử dụng rượu. Tiền sử gia đình uống rượu làm tăng nguy cơ sử dụng rượu lên 1,34 lần. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi phù hợp với nghiên cứu của Lê Cự Linh và cộng sự trên toàn bộ vị thành niên và thanh niên của 7 xã, thị trấn thuộc huyện Chí Linh-Hải Dương : Có 36,8% vị thành niên, thanh niên có người thân trong gia đình thường xuyên

sử dụng rượu hàng. Nghiên cứu của Đoàn Như Thắng trên đối tượng học sinh trung học phổ thông huyện Vĩnh Bảo cho thấy, trong số học sinh uống rượu có 36,3% học sinh có tiền sử gia đình uống rượu và 21,1% học sinh không có tiền sử gia đình uống rượu.

4.2.2. Liên quan giữa cảm giác buồn chán cô đơn trên biển, thời gian rảnh rỗi trên tàu và tình trạng sử dụng rượu của thuyền viên

Tỷ lệ uống rượu trong nhóm có cảm thấy buồn chán cô đơn khi tàu hành trình là 79,68%; tỷ lệ này ở nhóm không cảm thấy buồn chán cô đơn thấp hơn là 72,42%. Buồn chán cô đơn làm tăng nguy cơ sử dụng rượu lên 1,49 lần.

Nghiên cứu của Nguyễn Văn Tâm, Trần Thị Quỳnh Chi, khi tiến hành phỏng vấn 240 thuyền viên về cảm giác buồn và cô đơn khi tàu hành trình trên biển, cho thấy có 157 (65,41%) thuyền viên có cảm thấy cô đơn, tỷ lệ rối loạn thần kinh tâm lý trong nhóm này là 50,95%. 83 (34,59%) thuyền viên không cảm thấy cô đơn khi tàu hành trình, tỷ lệ rối loạn thần kinh tâm lý là 37,35%. Nhóm thuyền viên có cảm thấy cô đơn giầy vò nguy cơ bị rối loạn thần kinh tâm lý cao gấp 1,74 lần so với nhóm thuyền viên không cảm thấy cô đơn giầy vò khi tàu hành trình trên biển.

Kết quả nghiên cứu bảng 3.9 cho thấy, tỷ lệ sử dụng rượu ở nhóm cảm thấy có thời gian rảnh rỗi trên tàu là 81,58% cao hơn nhiều so với nhóm không cảm thấy rảnh rỗi là 60,19%.

Như vậy, cảm giác buồn chán cô đơn khi tàu hành trình trên biển do phải sống cô lập với đất liền, người thân, thiếu thông tin và phương tiện vui chơi giải trí, công việc ca kíp, lặp đi lặp lại nhằm chán cùng với cảm giác có nhiều thời gian rảnh rỗi là nguyên nhân khiến cho tỷ lệ sử dụng rượu, lạm dụng rượu và nghiện rượu tăng cao ở thuyền viên.

V. KẾT LUẬN

5.1. Thực trạng sử dụng rượu ở thuyền viên

- Tỷ lệ uống rượu ở thuyền viên là 75,14%.

- Tỷ lệ uống rượu của thuyền viên có xu hướng tăng theo tuổi nghề.

- Lý do uống rượu của thuyền viên: khi liên hoan vui vẻ, tụ tập bạn bè (55,25%); buồn chán cô đơn (39,68%)

- Tỷ lệ lạm dụng rượu ở thuyền viên: 31,51%.

- Tỷ lệ nghiện rượu ở thuyền viên: 7,39%.

5.2. Một số yếu tố liên quan đến tình trạng sử dụng rượu của thuyền viên

- Thuyền viên có tiền sử gia đình có người thường xuyên uống rượu làm tăng nguy cơ sử dụng rượu gấp 1,34 lần so với nhóm thuyền viên không có tiền sử gia đình uống rượu.

- Thuyền viên có cảm giác buồn chán, cô đơn trên biển nguy cơ uống rượu gấp 1,49 lần so với thuyền viên không buồn chán, cô đơn.

- Thuyền viên có thời gian rảnh rỗi trên tàu, nguy cơ làm cho thuyền viên uống rượu cao gấp 2,93 lần so với thuyền viên không rảnh rỗi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Y Tế (2003), Báo cáo kết quả Điều tra Y tế Quốc gia 2001-2002, Nhà xuất bản y học, Hà Nội.
2. Bùi Hồng Nhung, Nghiên cứu một số đặc điểm thần kinh tâm lý của thuyền viên Việt Nam làm việc trên các tàu vận tải viễn dương năm 2012, Luận văn tốt nghiệp bác sỹ đa khoa trường Đại Học Y Dược Hải Phòng.
3. Đoàn Như Thắng, Thực trạng kiến thức, thái độ, hành vi sử dụng rượu của học sinh phổ thông trung học tại huyện Vĩnh Bảo năm 2010. Luận văn Thạc sỹ Y học, trường Đại học Y Dược Hải Phòng.
4. Nguyễn Thị Xuyên (2010), Tình trạng lạm dụng rượu bia trên thế giới và các chính sách phòng ngừa, Tạp chí Y học thực hành số 722.
5. Egger V, Tio J, Newmann T, et.al (2002), Intensive concentration for monitoring ethanol treatment to prevent alcohol withdrawal in the intensive care unit, Intensive - care - med. Feb; 16(87), page 24 -31.
6. Luskas Parker (2010), Alcohol consumption behaviour and attitudes in Viet Nam : An Exploratory analysis.
7. WHO 2004, Global Status Report : Alcohol Policy, Department of Metal Health and Substance Abuse, Geneva, World Health Organisation.